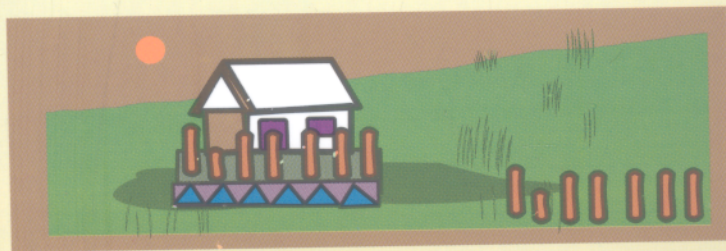


TỦ SÁCH THÔN, BẢN, TỔ PHỐ

Pháp luật về **KINH TẾ TRANG TRẠI**

MỌI NGƯỜI, MỌI NHÀ CẦN BIẾT

- ▶ CHÍNH SÁCH VỀ ĐẤT ĐAI
- ▶ CHÍNH SÁCH VỀ ĐẦU TƯ, TÍN DỤNG
- ▶ CHÍNH SÁCH VỀ LAO ĐỘNG



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

Pháp luật về
KINH TẾ TRĂNG TRẠI

MỌI NGƯỜI, MỌI NHÀ CẦN BIẾT

GIANG VÂN

Pháp luật về
KINH TẾ TRẠNG TRẠI

MỌI NGƯỜI, MỌI NHÀ CẦN BIẾT

NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP
HÀ NỘI - 2005

LỜI GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, pháp luật ngày càng đóng vai trò là công cụ hữu hiệu để quản lý xã hội, tạo hành lang phát triển kinh tế, văn hoá cho đất nước cũng như từng địa phương, cộng đồng, gia đình.

Trong hệ thống chính trị của chúng ta, cấp cơ sở có một vị trí hết sức quan trọng, là nơi trực tiếp thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, nơi quan hệ giữa người dân và Nhà nước được thể hiện một cách trực diện, đa dạng, phong phú.

Với mong muốn phổ biến và tuyên truyền các quy định pháp luật cụ thể, cần thiết, liên quan đến các mặt đời sống ở địa bàn cơ sở đặc biệt ở thôn, bản, xã, vùng sâu, vùng xa có điều kiện tìm hiểu,

áp dụng đúng pháp luật, Nhà xuất bản Tư pháp tổ chức xuất bản các tập sách nhỏ, phổ thông dưới dạng hỏi đáp về các vấn đề cơ bản một cách dễ hiểu hơn theo pháp luật của từng lĩnh vực cụ thể.

“Pháp luật về kinh tế trang trại - Mọi người, mọi nhà cần biết” tập trung giới thiệu những chính sách pháp luật cụ thể của Đảng và Nhà nước đối với loại hình kinh tế trang trại như chính sách về đất đai, chính sách về đầu tư, tín dụng; lao động và chính sách về thị trường.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2005
NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu	5
A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI	9
B. CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI	21
I. Chính sách về đất đai	21
II. Chính sách về đầu tư	33
III. Chính sách về tín dụng	39
IV. Chính sách về lao động	51
V. Chính sách về thị trường	57

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI

- *Khái niệm kinh tế trang trại và vai trò của kinh tế trang trại (tr.9)*

- *Những chính sách lâu dài của Nhà nước đối với kinh tế trang trại (tr.11)*

- *Các trang trại thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP (tr.14)*

- *Quốc hữu hoá, tịch thu bằng biện pháp hành chính tài sản hợp pháp của chủ trang trại đầu tư vào trang trại (tr.18)*

Về khái niệm kinh tế trang trại, tại khoản 1 Mục II Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP

1. Thế nào là kinh tế trang trại và vai trò của kinh tế trang trại?

ngày 02/02/2000 đã

quy định: “*Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản*”.

Như vậy, nói tới kinh tế trang trại là nói đến một hình thức tổ chức sản xuất do chủ thể là cá nhân hoặc hộ gia đình đầu tư phát triển trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản.

- *Về vai trò của kinh tế trang trại*

Cũng tại khoản 1 Mục II Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP đã khẳng định chủ trương khuyến khích mạnh mẽ việc phát triển kinh tế trang trại trong nông nghiệp và nông thôn như sau:

+ Phát triển kinh tế trang trại chính là *góp phần khai thác, sử dụng có hiệu*

quả đất đai, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững; tạo việc làm, tăng thu nhập; khuyến khích làm giàu đi đôi với xoá đói, giảm nghèo; phân bổ lại lao động, dân cư, xây dựng nông thôn mới;

+ Quá trình chuyển dịch, tích tụ ruộng đất hình thành các trang trại gắn liền với quá trình phân công lại lao động ở nông thôn, từng bước chuyển dịch lao động nông nghiệp sang làm các ngành phi nông nghiệp, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong nông nghiệp và nông thôn.

Trên cơ sở thống nhất về tính chất và vị trí của kinh tế trang trại, khoản 2 Mục II

2. Nhà nước có những chính sách lâu dài nào đối với kinh tế trang trại?

Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP đã nêu cụ thể *những chính sách lâu dài của Nhà nước đối với kinh tế trang trại như sau:*

- Nhà nước khuyến khích phát triển

và bảo hộ kinh tế trang trại. Các hộ gia đình, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế trang trại được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài theo pháp luật để sản xuất kinh doanh.

- Nhà nước đặc biệt khuyến khích việc đầu tư khai thác và sử dụng có hiệu quả đất trống, đồi núi trọc ở trung du, miền núi, biên giới, hải đảo, tận dụng khai thác các loại đất còn hoang hoá, ao, hồ, đầm, bãi bồi ven sông, ven biển, mặt nước eo vịnh, đầm phá để sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng chuyên canh với tỷ suất hàng hoá cao. Đối với vùng đất hẹp, người đông, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại sử dụng ít đất, nhiều lao động, thâm canh cao gắn với chế biến và thương mại, dịch vụ, làm ra nông sản có giá trị kinh tế lớn. Ưu tiên giao đất, cho thuê đất đối với những hộ nông dân có vốn, kinh nghiệm sản xuất, quản lý, có yêu cầu mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp hàng hoá và những hộ

không có đất sản xuất nông nghiệp mà có nguyện vọng tạo dựng cơ nghiệp lâu dài trong nông nghiệp.

- Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát huy kinh tế tự chủ của hộ nông dân, phát triển kinh tế trang trại đi đôi với chuyển đổi hợp tác xã cũ, mở rộng các hình thức kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất - kinh doanh giữa các hộ nông dân, các trang trại, các nông, lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác để tạo động lực và sức mạnh tổng hợp cho nông nghiệp, nông thôn phát triển.

- Nhà nước hỗ trợ về vốn, khoa học - công nghệ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho các trang trại phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước để các trang trại phát triển lành mạnh, có hiệu quả.

Không phải mọi loại trang trại đều thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 03/2000/

3. Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP điều chỉnh những loại trang trại nào?

NQ-CP đều được hưởng những chính sách ưu đãi mà Nghị quyết đã quy định mà chỉ những trang trại sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn thoả mãn các tiêu chí sau:

a. Về chủ thể đầu tư phát triển trang trại là hộ gia đình hoặc cá nhân. Thông tư liên tịch số 69/2000/TTLT-BNN-TCĐC ngày 23/6/2000 hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại đã quy định cụ thể như sau: Các hộ gia đình hoặc cá nhân đó phải là hộ nông dân, hộ công nhân viên nhà nước và lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu, các loại hộ thành thị và cá nhân chuyên sản xuất (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản) hoặc sản xuất nông nghiệp là chính, có kiêm nhiệm các hoạt động dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn. Trong đó, chủ trang trại phải là người có kiến

thức và kinh nghiệm trực tiếp điều hành sản xuất, biết áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất, sử dụng lao động gia đình và thuê lao động bên ngoài sản xuất hiệu quả cao, có thu nhập vượt trội so với kinh tế hộ.

b. Về mục đích hoạt động: phải là sản xuất nông, lâm nghiệp hoặc thủy sản hàng hoá với quy mô lớn.

c. Về tiêu chí định lượng

- *Đối với hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản* được xác định là trang trại phải đạt một trong hai tiêu chí về giá trị sản lượng hàng hoá, dịch vụ bình quân 1 năm hoặc về quy mô sản xuất.

- *Đối với hộ sản xuất, kinh doanh tổng hợp* có nhiều loại sản phẩm hàng hoá của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thì tiêu chí để xác định kinh tế trang trại là giá trị sản lượng hàng hoá, dịch vụ bình quân 1 năm, cụ thể:

+ Giá trị sản lượng hàng hoá và dịch vụ bình quân 1 năm là 40 triệu đồng trở lên (đối với các tỉnh phía Bắc và duyên hải miền Trung) hoặc 50 triệu đồng trở lên (đối với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên);

+ Quy mô sản xuất phải tương đối lớn và vượt trội so với kinh tế hộ nông dân tương ứng với từng ngành sản xuất và vùng kinh tế, cụ thể:

** Đối với trang trại trồng trọt*

Loại trang trại	Quy mô sản xuất
1. Trang trại trồng cây hàng năm.	- Từ 2 ha trở lên đối với các tỉnh phía Bắc và duyên hải miền Trung. - Từ 3 ha trở lên đối với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên.
2. Trang trại trồng cây lâu năm.	- Tương ứng là 3 ha và 5 ha. Riêng trang trại trồng hồ tiêu thì chỉ cần từ 0,5 ha trở lên.
3. Trang trại lâm nghiệp.	- Từ 10 ha trở lên đối với tất cả các vùng trong cả nước.

** Đối với trang trại chăn nuôi*

Loại trang trại	Quy mô sản xuất
1. Chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò...) để sinh sản hoặc lấy sữa.	- Thường xuyên từ 10 con trở lên.
2. Chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò...) để lấy thịt.	- Thường xuyên từ 50 con trở lên.
3. Chăn nuôi gia súc (lợn, dê,...) để sinh sản.	- Thường xuyên có từ 20 con trở lên (đối với lợn), 100 con trở lên (đối với cừu, dê).
4. Chăn nuôi gia súc (lợn, dê) để lấy thịt.	- Thường xuyên từ 100 con trở lên (đối với lợn), 200 con trở lên (đối với dê).
5. Chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng,...).	- Có thường xuyên từ 2.000 con trở lên (không tính số đầu con dưới 7 ngày tuổi).

* *Đối với trang trại nuôi trồng thủy sản:* Diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản có từ 2 ha trở lên. Riêng đối với nuôi tôm thịt theo kiểu công nghiệp thì chỉ cần từ 1 ha trở lên.

* *Đối với các loại sản phẩm nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản có tính chất đặc thù* (như trồng hoa, cây cảnh, trồng nấm, nuôi ong, giống thủy sản và thủy đặc sản) thì tiêu chí xác định chỉ là tiêu chí về giá trị sản lượng hàng hoá và dịch vụ bình quân 1 năm.

Điều 58 Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001 quy định: “Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp và quyền thừa kế của công dân”. Theo đó, chủ trang trại được bảo hộ quyền sở hữu đối với tài sản phục vụ hoạt động của trang trại. Chủ trang trại có toàn quyền

4. Nhà nước có quốc hữu hoá, tịch thu bằng biện pháp hành chính tài sản hợp pháp của chủ trang trại đầu tư vào trang trại hay không?

trong việc quản lý (chiếm hữu), sử dụng (khai thác, cho thuê...) và định đoạt tài sản thuộc sở hữu trong trang trại (bán, tặng, cho, để thừa kế) nếu không xâm phạm tới lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Cũng tại điểm g khoản 3 Mục II Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP đã cụ thể hoá chính sách bảo hộ tài sản đã đầu tư của chủ trang trại như sau:

“Tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của trang trại không bị quốc hữu hoá, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính. Trong trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, vì lợi ích quốc gia, Nhà nước cần thu hồi đất được giao, được thuê của trang trại thì chủ trang trại được thanh toán hoặc bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm công bố quyết định thu hồi”.

Theo đó, mọi tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của cá nhân, hộ gia đình vào trang

trại đều được Nhà nước bảo hộ trước sự xâm phạm trái pháp luật của các chủ thể khác, không bị quốc hữu hoá, tịch thu bằng biện pháp hành chính, trừ trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, vì lợi ích quốc gia.

B. CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

I. CHÍNH SÁCH VỀ ĐẤT ĐAI

- Chính sách chung về đất đai đối với kinh tế trang trại (tr.21)
- Đối tượng và thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (tr.24)
- Đối tượng và thời hạn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp (tr.26)
- Cá nhân, hộ gia đình không phải nộp thuế chuyển đổi quyền sử dụng đất (tr.27)
- Miễn, giảm tiền thuê đất đối với chủ trang trại là nhà đầu tư (tr.28)

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Mục II Nghị quyết số 03/2000/NĐ-CP,

5. Chính sách chung về đất đai đối với kinh tế trang trại?

khi hộ gia đình có nhu cầu và khả năng sử dụng đất để phát triển trang trại thì được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thẩm quyền giao đất, cho thuê đất được áp dụng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai năm 2003.

Điều 82 Luật đất đai năm 2003 quy định:

- Nhà nước khuyến khích hình thức kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đất sử dụng cho kinh tế trang trại bao gồm đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối quy định tại

Điều 70 Luật đất đai; đất do Nhà nước cho thuê; đất do thuê, nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho; đất do nhận khoán của tổ chức; đất do hộ gia đình, cá nhân góp.

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất làm kinh tế trang trại được chủ động chuyển đổi mục đích sử dụng các loại đất theo phương án sản xuất, kinh doanh đã được Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xét duyệt.

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất làm kinh tế trang trại phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là không có tranh chấp thì được tiếp tục sử dụng theo quy định sau đây:

+ Trường hợp đất được giao không thu tiền sử dụng đất trong hạn mức cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối thì được tiếp tục sử dụng trong thời hạn còn lại;

+ Trường hợp đất được giao không thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối thì phải chuyển sang thuê đất;

+ Trường hợp sử dụng đất do được Nhà nước cho thuê, nhận chuyển nhượng, được thừa kế, nhận khoán của tổ chức, do hộ gia đình, cá nhân góp vốn thì được tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật đất đai.

- Nghiêm cấm việc lợi dụng hình thức kinh tế trang trại để bao chiếm, tích tụ đất đai không vì mục đích sản xuất.

Điều 1 Nghị định
số 129/ 2003/
NĐ-CP ngày 17/6/
2003 quy định đối
tượng được miễn
thuế sử dụng đất
nông nghiệp như sau:

**6. Đối tượng và thời
hạn miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp
được quy định như
thế nào?**

- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp
trong hạn mức đối với:

+ Hộ gia đình, cá nhân nông dân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp (kể cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất);

+ Hộ gia đình, cá nhân là xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã để sản xuất nông nghiệp;

+ Hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên, lâm trường viên nhận đất giao khoán ổn định của nông trường, lâm trường để sản xuất nông nghiệp;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp có quyền sử dụng đất nông nghiệp góp ruộng đất của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo Luật hợp tác xã.

- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở các xã đặc biệt khó khăn.

Thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định trên được

thực hiện từ năm thuế 2003 đến năm thuế 2010.

Điều 2 Nghị định số 129/2003/NĐ-CP quy định về đối tượng được giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp như sau:

7. Đối tượng và thời hạn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định như thế nào?

+ Các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang và các đơn vị hành chính, sự nghiệp đang quản lý sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp (kể cả diện tích đất sản xuất nông nghiệp của các tổ chức đang sản xuất nông nghiệp);

+ Hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện được Nhà nước giao đất sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai nhưng có đất do được thừa kế, tặng, cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đất khai hoang phục hóa để sản xuất nông nghiệp;

+ Hộ nông dân, hộ xã viên hợp tác xã, hộ nông, lâm trường viên nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, của nông trường, lâm trường để sản xuất nông nghiệp và hộ sản xuất nông nghiệp khác có diện tích đất sản xuất nông nghiệp vượt hạn mức.

Giảm 50% số thuế sử dụng đất nông nghiệp ghi thu hàng năm đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp của các đối tượng trên.

Thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định trên được thực hiện từ năm thuế 2003 đến năm thuế 2010.

Cá nhân, hộ gia đình không phải nộp thuế chuyển đổi quyền sử dụng đất trong những trường hợp sau:

8. Cá nhân, hộ gia đình không phải nộp thuế chuyển đổi quyền sử dụng đất trong trường hợp nào?

- Cá nhân, hộ gia đình chuyển đổi

quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối cho nhau để phù hợp với điều kiện canh tác (khoản 4 Điều 8 Nghị định số 19/2000/NĐ-CP ngày 08/6/2000);

- Việc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi với con đẻ, con nuôi; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại với cháu nội, cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau không thuộc diện chịu thuế chuyển đổi quyền sử dụng đất (Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất ngày 21/12/1999).

Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 35/2002/NĐ-

9. Việc miễn, giảm tiền thuê đất đối với chủ trang trại là nhà đầu tư được quy định cụ thể như thế nào?

CP ngày 29/3/2002, thì chủ trang trại được giảm tiền thuê đất khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- *Đầu tư vào các ngành nghề sau:*

+ Trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng; trồng cây lâu năm trên đất hoang hoá, đồi, núi trọc; khai hoang; làm muối; nuôi trồng thuỷ sản ở vùng nước chưa được khai thác;

+ Sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu;

+ Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ; chế biến nông sản, lâm sản, thuỷ sản; dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp;

+ Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ; cải thiện sinh thái và môi trường, vệ sinh đô thị; di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi đô thị; đa dạng hoá ngành, nghề, sản phẩm;

+ Những ngành, nghề khác như chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thuỷ sản theo chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (Danh mục A Nghị định số 51/1999/NĐ-CP).

- *Có dự án đầu tư thuộc mọi lĩnh vực,*

ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm, có sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là:

+ Ở đô thị loại 1 và loại 2: 100 người;

+ Ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 20 người;

+ Ở địa bàn khác: 50 người.

Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP thì *chủ trang trại có dự án được miễn nộp tiền thuê đất, kể từ khi ký hợp đồng thuê đất như sau:*

+ Được miễn ba năm đối với dự án đáp ứng một điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP;

+ Được miễn sáu năm đối với dự án đáp ứng đủ hai điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP.

- *Nhà đầu tư có dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được miễn nộp tiền thuê đất, kể từ khi ký hợp đồng thuê đất như sau:*

+ Được miễn bảy năm đối với dự án tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh miền núi, vùng đồng bằng;

+ Được miễn mười năm đối với dự án tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh vùng núi cao.

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đồng thời đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP *được miễn nộp tiền thuê đất, kể từ khi ký hợp đồng thuê đất như sau:*

Được miễn 11 năm đối với dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực sau:

+ Trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng; trồng cây lâu năm trên đất hoang hoá, đồi, núi trọc; khai hoang; làm muối; nuôi trồng thuỷ sản ở vùng nước chưa được khai thác;

+ Sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu;

+ Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ; chế biến nông sản, lâm sản, thuỷ sản; dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp;

+ Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ; cải thiện sinh thái và môi trường, vệ sinh đô thị; di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi đô thị; đa dạng hoá ngành, nghề, sản phẩm;

+ Những ngành, nghề khác như chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản theo chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Được miễn 13 năm đối với dự án đáp ứng đủ hai điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP.

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn nộp tiền thuê đất, kể từ khi ký hợp đồng thuê đất như sau:

+ Được miễn 11 năm đối với dự án tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh miền núi, vùng dân tộc đông bằng.

+ Được miễn 15 năm đối với dự án tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh vùng núi cao, hải đảo.

II. CHÍNH SÁCH VỀ ĐẦU TƯ

- Chính sách tài chính nhằm phát triển kinh tế trang trại (tr.33)

- Những lĩnh vực đầu tư được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển (tr.36)

- Mức vốn vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển (tr.37)

- Việc xử lý rủi ro đối với vốn vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển (tr.38)

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trang trại nhằm từng bước hiện đại hoá sản

10. Nhà nước có chính sách tài chính nào nhằm phát triển kinh tế trang trại?

xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, nâng cao đời sống và ổn định việc làm cho người lao động, tại Mục 1, 2, 3 Thông tư số 82/2000/TT-BTC ngày 14/8/2000 của Bộ Tài chính quy định các chính sách tài chính mà cá nhân, hộ gia đình đầu tư vào phát triển kinh tế trang trại được hưởng như sau:

a. Ưu đãi về đất

Chủ trang trại khi sử dụng đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hoá và diện tích ở các vùng nước tự nhiên chưa có đầu tư cải tạo thuộc quy hoạch phát triển trang trại do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác định được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp.

b. Ưu đãi về vốn đầu tư

- Đầu tư phát triển kinh tế trang trại được vay ưu đãi từ các chương trình tín dụng phát triển của Nhà nước theo trình tự, thủ tục quy định đối với từng chương trình cụ thể.

- Đầu tư vào các trang trại sản xuất hàng xuất khẩu; trồng rừng nguyên liệu tập trung, cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả; nuôi trồng thủy hải sản và chăn nuôi bò sữa, xây dựng hệ thống dẫn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong trang trại; sản xuất phân bón; thuốc trừ sâu vi sinh; chế tạo máy công cụ, máy động lực phục vụ nông nghiệp; xây dựng

cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản được Quỹ hỗ trợ phát triển của Nhà nước cho vay đầu tư; hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; bảo lãnh tín dụng đầu tư theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

c. Chính sách huy động vốn phát triển kinh tế trang trại

- Các chủ trang trại được huy động nguồn vốn bằng các hình thức vay ngân hàng, vay các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành để tạo nguồn vốn phát triển kinh doanh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao bố trí ngân sách nhằm tập trung phát triển kinh tế trang trại; áp dụng các hình thức huy động vốn thích hợp như phát hành trái phiếu công trình, phát hành xổ số kiến thiết loại đặc biệt để huy động vốn đầu tư cho các công trình cơ sở hạ tầng (sau khi thoả thuận bằng văn bản với Bộ Tài chính), huy động lao động công ích của nhân dân để:

+ Đầu tư cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng: đường, nước, điện, trường, trạm, phát triển chợ nông thôn, các trung tâm giao dịch mua bán nông sản và vật tư nông nghiệp, khoa học công nghệ mới;

+ Tạo điều kiện cho các chủ trang trại được tiếp cận và tham gia các chương trình, dự án hợp tác, hội chợ triển lãm trong và ngoài nước;

+ Hỗ trợ việc đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các cơ sở công nghiệp chế biến ở các vùng tập trung, chuyên canh phát triển trang trại;

+ Đẩy mạnh sự liên kết giữa các cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp nhà nước với hợp tác xã, chủ trang trại, hộ nông dân.

Theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 02/01/2001 thì chủ trang trại có

11. Chủ trang trại đầu tư vào những lĩnh vực nào thì được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển?

các dự án sau đây (không phân biệt địa bàn đầu tư) được vay vốn tín dụng đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển:

- Dự án sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu;

- Các dự án sản xuất nông nghiệp như cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn, thủy sản, sản xuất muối và phát triển công nghiệp chế biến.

Điều 10 Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 quy định: khi chủ trang trại

12. Chủ trang trại được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển với mức vốn vay là bao nhiêu?

được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển thì mức vốn cho vay đối với từng dự án do Quỹ hỗ trợ phát triển quyết định, *tối đa bằng 70% tổng số vốn đầu tư của dự án.* Số vốn còn lại, chủ trang trại phải xác định được nguồn và các điều kiện tài chính cụ thể, bảo đảm tính khả thi của dự án.

Điều 19 Nghị
định số 106/
2004/NĐ-CP quy
định trong trường
hợp chủ trang trại
được vay vốn từ

**13. Việc xử lý rủi
ro đối với vốn vay từ
Quỹ hỗ trợ phát triển
được quy định như
thế nào?**

Quỹ hỗ trợ phát triển nhưng trong quá
trình thực hiện dự án mà gặp rủi ro do
nguyên nhân bất khả kháng như thiên
tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ gây thiệt
hại tài sản; do Nhà nước điều chỉnh
chính sách thì chủ trang trại *được xem
xét gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ hoặc
miễn, giảm lãi tiền vay.*

III. CHÍNH SÁCH VỀ TÍN DỤNG

- Về chính sách đầu tư, tín dụng đối với kinh tế trang trại (tr.39)

- Những lĩnh vực được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và được bảo lãnh tín dụng đầu tư (tr.41)

- Trách nhiệm tài chính của chủ trang trại được bảo lãnh tín dụng nhưng không trả được nợ vay (tr.43)

- Lãi suất cho vay và thời hạn vay của tổ chức tín dụng (tr.44)

- Việc bảo đảm tiền vay của chủ trang trại vay vốn từ tổ chức tín dụng (tr.46)

- Mức vay, phương thức vay tổ chức tín dụng của chủ trang trại (tr.47)

- Việc xử lý rủi ro vốn vay do nguyên nhân khách quan (tr.48)

Điểm c khoản 3 Mục II Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP quy định về chính sách đầu tư,

14. Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP quy định về chính sách đầu tư, tín dụng đối với kinh tế trang trại như thế nào?

tín dụng đối với kinh tế trang trại như sau:

- Căn cứ vào quy hoạch phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trên các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, Nhà nước có chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thuỷ lợi, điện, nước sinh hoạt, thông tin, cơ sở chế biến để khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân phát triển trang trại sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- *Trang trại phát triển sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực sau đây được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển:*

+ Xây dựng cơ sở chế biến: nông sản, lâm sản, thuỷ sản, xây dựng cơ sở làm muối;

+ Sản xuất hàng xuất khẩu, đặc biệt là các dự án sử dụng nhiều lao động;

+ Trồng rừng nguyên liệu tập trung; trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả;

+ Các dự án nuôi trồng thuỷ hải sản, chăn nuôi bò sữa;

+ Các dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát

triển chính thức (ODA) cho vay lại;

+ Một số chương trình, dự án đầu tư khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Điều 8 Mục I Chương II Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29/6/1999).

- Trang trại phát triển sản xuất, kinh doanh được vay vốn tín dụng thương mại của các ngân hàng thương mại quốc doanh. Việc vay vốn được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 về *"Một số chính sách tín dụng ngân hàng phát triển nông nghiệp và nông thôn"*, chủ trang trại được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm tiền vay theo quy định tại Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng.

Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là việc Nhà nước thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển hỗ trợ một phần lãi

15. Những lĩnh vực nào được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và được bảo lãnh tín dụng đầu tư?

suất cho chủ đầu tư vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư dự án sau khi dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Bảo lãnh tín dụng đầu tư là cam kết của Quỹ hỗ trợ phát triển với tổ chức tín dụng cho vay vốn về việc trả nợ đầy đủ, đúng hạn của bên đi vay. Trong trường hợp bên đi vay không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ khi đến hạn, Quỹ hỗ trợ phát triển sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bên đi vay.

Theo quy định tại Mục II Thông tư số 82/2000/TT-BTC, chủ trang trại đầu tư vào lĩnh vực sau thì được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư: đầu tư vào các trang trại sản xuất hàng xuất khẩu; trồng rừng nguyên liệu tập trung, cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả; nuôi trồng thủy hải sản và chăn nuôi bò sữa, xây dựng hệ thống dẫn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong trang trại; sản xuất phân bón; thuốc trừ sâu vi sinh; chế tạo máy công cụ, máy động lực phục vụ nông nghiệp;

xây dựng cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản.

Củ trang trại được bảo lãnh tín dụng đầu tư nhưng không trả được nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký thì có trách nhiệm sau:

16. Trách nhiệm tài chính của chủ trang trại được bảo lãnh tín dụng nhưng không trả được nợ vay được quy định như thế nào?

- Quỹ hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm trả nợ cho tổ chức tín dụng thay chủ trang trại phần vốn vay đã nhận bảo lãnh;

- Chủ trang trại phải nhận nợ bắt buộc với Quỹ hỗ trợ phát triển về số tiền Quỹ hỗ trợ phát triển trả nợ thay với lãi suất phạt bằng 150% lãi suất đang vay của tổ chức tín dụng;

- Khi có nguồn trả nợ, chủ trang trại phải trả nợ phần nhận nợ bắt buộc (kể cả nợ lãi) cho Quỹ hỗ trợ phát triển (Điều 31 Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004).

Điều 5 Quyết
Định số 423/
2000/QĐ-NHNN1
ngày 22/9/2000 quy
định lãi suất cho
vay của tổ chức tín dụng đối với chủ
tràng trại như sau:

17. Lãi suất cho vay
và thời hạn vay của tổ
chức tín dụng được
quy định như thế nào?

- Lãi suất cho vay đối với chủ tràng trại thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước trong từng thời kỳ.

- Các ngân hàng thương mại nhà nước thực hiện ưu đãi lãi suất cho vay đối với các trường hợp:

+ Các tràng trại ở khu vực III miền núi, hải đảo, vùng đồng bào Khơ me sống tập trung được *giảm 30% lãi suất cho vay* so với lãi suất cho vay thông thường của các tổ chức tín dụng;

+ Các tràng trại ở khu vực II miền núi được *giảm 15% lãi suất cho vay* so với lãi suất cho vay thông thường của các tổ chức tín dụng.

- Đối với các chủ tràng trại sản xuất

hàng xuất khẩu, có tín nhiệm với tổ chức tín dụng trong việc sử dụng vốn vay và trả nợ đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi, các tổ chức tín dụng thực hiện việc ưu đãi về lãi suất theo chính sách khách hàng của mình.

Thời hạn cho vay của tổ chức tín dụng đối với chủ trang trại được quy định tại Điều 6 Quyết định số 423/2000/QĐ-NHNN1 như sau:

Các tổ chức tín dụng xác định và thoả thuận thời hạn cho vay *ngắn hạn* (đến 12 tháng), *trung hạn* (từ trên 12 tháng đến 60 tháng), *dài hạn* (từ trên 60 tháng trở lên) phù hợp với thời gian sinh trưởng, thu hoạch, tiêu thụ sản phẩm của cây trồng, vật nuôi, thời hạn khấu hao tài sản cố định, thời hạn thuê và khả năng trả nợ của chủ trang trại; đối với khoản cho vay trung hạn, dài hạn phải thoả thuận thời gian ân hạn phù hợp với thời hạn thi công, xây dựng cơ bản của từng công trình, dự án đầu tư.

Điều 7 Quyết định số 423/2000/QĐ-NHNN quy định việc bảo đảm tiền vay như sau:

18. Việc bảo đảm tiền vay của chủ trang trại vay vốn từ tổ chức tín dụng được quy định như thế nào?

- Các chủ trang trại vay đến 20 triệu đồng hoặc vay dưới 50 triệu đồng đối với chủ trang trại vay vốn để sản xuất giống thủy sản thì không phải thế chấp tài sản (điểm b khoản 2 Điều 4 Quyết định số 103/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000) mà chỉ nộp kèm theo giấy đề nghị vay vốn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về diện tích đất sử dụng không có tranh chấp, trên cơ sở chủ trang trại có phương án sản xuất có hiệu quả, có khả năng trả nợ ngân hàng.

Trường hợp chủ trang trại vay trên 20 triệu đồng hoặc từ 50 triệu đồng trở lên đối với chủ trang trại vay vốn để sản xuất giống thủy sản thì số tiền vay từ trên 20 triệu đồng hoặc từ 50 triệu đồng

trở lên phải thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về đảm bảo tiền vay.

- Các chủ trang trại được các tổ chức khác bảo lãnh để vay vốn của các tổ chức tín dụng đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng được bảo lãnh theo quy định của Chính phủ.

Theo Điều 8 Quyết định số 423 / 2000 / QĐ-NHNN1 ngày 22/9/2000 quy định mức cho vay của tổ chức tín dụng đối với chủ trang trại được quy định như sau:

19. Chủ trang trại được vay tổ chức tín dụng với mức vay, phương thức vay như thế nào?

- Các tổ chức tín dụng căn cứ vào nhu cầu vay vốn theo dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, khả năng về tài chính, giá trị tài sản làm bảo đảm tiền vay của các chủ trang trại để xác định và thoả thuận mức cho vay đối với từng đối tượng được vay.

- Cũng theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN1 ngày 31/12/2001 thì các tổ chức tín dụng căn cứ vào nhu cầu vay vốn, mức độ quan hệ tín dụng với các chủ trang trại và trình độ quản lý của chủ trang trại để thoả thuận với chủ trang trại áp dụng các phương thức cho vay thích hợp như *cho vay từng lần, cho vay theo thời hạn, cho vay theo dự án đầu tư.*

Điều 10 Quyết định số 423/2000/QĐ-NHNN1 quy định trong trường hợp chủ trang trại không

20. Việc xử lý rủi ro vốn vay do nguyên nhân khách quan được quy định như thế nào?

trả được nợ gốc và lãi đúng hạn hoặc bị tổn thất về tài sản có liên quan đến vốn vay do nguyên nhân khách quan thì *tùy từng trường hợp cụ thể và trên cơ sở đề nghị của chủ trang trại, các tổ chức tín dụng xem xét áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro vốn cho vay sau đây:*

- *Điều chỉnh* kỳ hạn trả nợ (gốc và lãi) trong thời hạn cho vay;

- *Gia hạn* nợ vay theo quy định tại Điều 23 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 284/2000/QĐ-NHNN1 ngày 25/8/2000 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- *Xoá, miễn, khoan, dẫn nợ* theo quy định tại Mục V Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, các quy định khác của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ;

- Các chủ trang trại bị tổn thất về tài sản có liên quan đến vốn vay do nguyên nhân khách quan, dẫn đến bị khó khăn về tài chính được tổ chức tín dụng xem xét *miễn, giảm lãi tiền vay* trên cơ sở phù hợp với khả năng tài chính của tổ chức;

- Trường hợp các chủ trang trại không trả được nợ gốc và lãi tiền vay đúng hạn

do nguyên nhân chủ quan thì số nợ đó bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng nhà nước.

IV. CHÍNH SÁCH VỀ LAO ĐỘNG

- Chính sách lao động nhằm phát triển kinh tế trang trại (tr.51)

- Quyền ký kết hợp đồng lao động với chủ trang trại (tr.53)

- Chủ trang trại tuyển dụng lao động không ký hợp đồng lao động (tr.55)

- Phương thức trả lương cho người lao động trong trang trại (tr.56)

Điểm d khoản 3
Mục II Nghị
quyết số 03/2000/
NQ-CP quy định về
chính sách lao động
đối với kinh tế trang trại như sau:

**21. Nhà nước có
chính sách lao động
nào nhằm phát triển
kinh tế trang trại?**

- Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ để các chủ trang trại mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tạo được nhiều việc làm cho lao động nông thôn, ưu tiên sử dụng lao động của hộ nông dân không đất, thiếu đất sản xuất nông

nghiệp, hộ nghèo thiếu việc làm. Chủ trang trại được thuê lao động không hạn chế về số lượng; trả công lao động trên cơ sở thoả thuận với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Chủ trang trại phải trang bị đồ dùng bảo hộ lao động theo từng loại nghề cho người lao động và có trách nhiệm với người lao động khi gặp rủi ro, tai nạn, ốm đau trong thời gian làm việc theo hợp đồng lao động.

- Đối với địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chủ trang trại được ưu tiên vay vốn thuộc chương trình giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo để tạo việc làm cho lao động tại chỗ; thu hút lao động ở các vùng đông dân cư đến phát triển sản xuất.

- Nhà nước có kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho lao động làm trong trang trại bằng nhiều hình thức tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.

Theo quy định tại
Phần I Thông
tư số 23/2000/TT-
BLĐTBXH ngày
28/9/2000 thì người
ít nhất đủ 15 tuổi

22. Người nào có
quyền ký kết hợp
đồng lao động với chủ
trang trại?

có khả năng lao động, có quyền ký kết
hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận lao
động với chủ trang trại gồm:

- Lao động nông thôn (nông nghiệp,
lâm nghiệp, thủy sản) chưa có việc làm
hoặc thiếu việc làm;

- Lao động tự do;

- Lao động đang trong thời gian chờ
việc, ngừng việc, v.v...

Tuy nhiên, đối với nhóm người lao động
từ đủ 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi thì có
những quy định riêng. Họ không được ký
kết hợp đồng lao động với chủ trang trại
để thực hiện những công việc sau:

- + Lao động thể lực quá sức (mức tiêu
hao năng lượng lớn hơn 4 cal/phút, nhịp
tim 120/phút);

+ Tư thế làm việc gò bó, thiếu dưỡng khí;

+ Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất có khả năng gây biến đổi gen, gây ảnh hưởng xấu đến chuyển hoá tế bào, gây ung thư, gây tác hại sinh sản lâu dài (gây thiếu năng tinh hoàn, thiếu năng buồng trứng), gây bệnh nghề nghiệp và các tác hại khác;

+ Tiếp xúc với các yếu tố gây bệnh truyền nhiễm;

+ Trong môi trường có độ rung ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép;

+ Nhiệt độ không khí trong nhà xưởng trên 40°C về mùa hè và trên 35°C về mùa đông hoặc chịu ảnh hưởng của bức xạ nhiệt cao;

+ Nơi có áp suất không khí cao hơn hoặc thấp hơn áp suất khí quyển;

+ Trong lòng đất;

+ Nơi cheo leo nguy hiểm;

+ Nơi làm việc không phù hợp với thân kinh, tâm lý người chưa thành niên;

+ Nơi gây ảnh hưởng xấu tới việc hình thành nhân cách.

Tại điểm a khoản 2 Mục II Thông tư số 23/2000/TT-BLĐTBXH ngày 28/9/2000 hướng dẫn áp dụng một số chế độ đối với lao động làm việc trong các trang trại) quy định như sau:

23. Việc chủ trang trại tuyển dụng lao động không ký hợp đồng lao động bằng văn bản có vi phạm pháp luật không?

- Đối với những công việc có tính chất mùa vụ, không thường xuyên mà thời hạn dưới 1 năm thì hai bên có thể ký kết bằng văn bản hoặc thoả thuận bằng miệng;

- Đối với những công việc ổn định, có tính chất thường xuyên mà thời hạn thực hiện từ 1 năm trở lên thì hai bên thoả thuận thời hạn cụ thể và ký kết bằng văn bản.

Do đó, tùy thuộc vào tính chất, mức độ công việc mà hình thức hợp đồng lao động

ký kết giữa chủ trang trại và người lao động có thể là bằng văn bản hay bằng miệng.

Chủ trang trại có thể trả lương cho người lao động theo các phương thức sau:

24. Chủ trang trại có thể trả lương cho người lao động theo phương thức nào?

- Trường hợp trả công nhật thì làm ngày nào trả công cho ngày đó; thuê làm việc theo tuần thì làm tuần nào trả công theo tuần đó;

- Trường hợp trả công theo tháng thì cứ 15 ngày người lao động được nhận tiền công 1 lần;

- Trường hợp trả công theo khối lượng công việc, khối lượng sản phẩm mà thời gian hoàn thành dưới 15 ngày thì người lao động được nhận tiền công sau khi hoàn thành khối lượng công việc, khối lượng sản phẩm. Nếu thời gian hoàn thành từ 15 ngày trở lên thì cứ 15 ngày người lao động được tạm ứng tiền công một lần (trừ trường hợp hai bên thoả thuận khác), mức tạm ứng do hai bên thoả thuận.

V. CHÍNH SÁCH VỀ THỊ TRƯỜNG

- *Chính sách thị trường để thúc đẩy phát triển kinh tế trang trại (tr.57)*

- *Về quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp và chế biến tiêu thụ nông sản (tr.59)*

Điểm e Mục II
Nghị quyết số
03/2000/NQ-CP
quy định như sau:

**25. Nhà nước có
chính sách thị trường
nào để thúc đẩy phát
triển kinh tế trang trại?**

- Bộ Thương mại,
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc trung ương tổ chức tốt việc
*cung cấp thông tin thị trường, khuyến
cáo khoa học kỹ thuật*, giúp trang trại
định hướng sản xuất, kinh doanh phù
hợp với nhu cầu của thị trường trong và
ngoài nước;

- Nhà nước *hỗ trợ việc đầu tư nâng
cấp, mở rộng và xây dựng mới* các cơ sở
công nghiệp chế biến ở các vùng tập
trung, chuyên canh; hướng dẫn việc ký

kết hợp đồng cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp chế biến nông sản và tiêu thụ nông sản hàng hoá của trang trại và nông dân trên địa bàn;

- Nhà nước *khuyến khích phát triển chợ nông thôn, các trung tâm giao dịch mua bán nông sản và vật tư nông nghiệp*. Tạo điều kiện cho các chủ trang trại được tiếp cận và tham gia các chương trình, dự án hợp tác, hội chợ triển lãm trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh sự liên kết giữa các cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp Nhà nước, hợp tác xã, chủ trang trại, hộ nông dân.

Nhà nước *tạo điều kiện và khuyến khích chủ trang trại xuất khẩu trực tiếp sản phẩm* của mình và sản phẩm mua gom của trang trại khác, của các hộ nông dân và nhập khẩu vật tư nông nghiệp.

Điều 2 Mục II
Thông tư số 61/
2000/TT-BNNPTNT
ngày 06/6/2000
hướng dẫn phát
triển kinh tế trang
trại quy định sau:

26. Chủ trang trại
được quy hoạch sản
xuất nông, lâm nghiệp
và chế biến tiêu thụ
nông sản như thế nào?

- Căn cứ vào điều kiện thị trường, đất đai, nguồn nước, khí hậu, kinh nghiệm truyền thống... để bố trí các loại cây trồng, vật nuôi chính trong vùng phát triển trang trại để làm cơ sở hướng dẫn cho các chủ trang trại. *Đối với vùng còn nhiều đất đai*, phát triển sản xuất trồng trọt kết hợp với chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản để làm ra nhiều sản phẩm hàng hoá cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. *Đối với vùng đất ít*, người đông thì phát triển các ngành nghề sử dụng ít đất nhưng có hiệu quả cao nhất; làm giống, trồng hoa, cây cảnh, chăn nuôi gia súc và thủy đặc sản, kết hợp với các hoạt động dịch vụ, ngành nghề để sử dụng được nhiều lao động và đạt hiệu quả kinh tế cao;

- *Xác định lâm phần ổn định* của các loại rừng trong vùng phát triển trang trại để làm cơ sở giao hoặc khoán bảo vệ rừng cho chủ trang trại theo Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Xác định cơ cấu cây rừng chính để trồng rừng;

- *Xác định hướng phát triển chế biến*; lựa chọn công nghệ chế biến phù hợp với từng vùng để hướng dẫn cho trang trại áp dụng, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại kết hợp với phương pháp truyền thống được cải tiến;

- *Bố trí các công trình thuỷ lợi, giao thông, điện, điện thoại...* phục vụ cho phát triển trang trại ở các vùng tập trung, nhất là các vùng đất mới. Xác định rõ nguồn vốn đầu tư. Nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các công trình có liên quan chung đến toàn vùng. Phân đầu tư

trong nội bộ trang trại do chủ trang trại tự đảm nhận phù hợp với quy hoạch phát triển chung;

- *Hình thành mạng lưới các cơ sở sản xuất và cung ứng giống cây con tốt, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông...* trên địa bàn, kết hợp giữa các cơ sở của Nhà nước với các thành phần kinh tế khác. Hỗ trợ các trang trại có khả năng làm dịch vụ kỹ thuật cho các trang trại và hộ nông dân khác trong vùng;

- *Khuyến khích việc liên doanh, liên kết* giữa trang trại với các doanh nghiệp nhà nước và thành phần kinh tế khác trên địa bàn để sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm làm ra.



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

Địa chỉ: 58 - 60 Trần Phú - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 84 4 8231135 - Phát hành: 080 48457 - Biên tập: 080 46864

Fax: 84 4 7340981 - Email: nxbtp@moj.gov.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
NGUYỄN ĐỨC GIAO

BIÊN TẬP

Nguyễn Thu Giang

Nguyễn Văn Quang

THIẾT KẾ BÌA

Đỗ Thị Kim Oanh

TRÌNH BÀY

Đào Hồng Nhung

SỬA BÀN IN

Ngô Thuỷ Thư

In 3000c, khổ 13x19cm, tại Công ty in Hữu Nghị. Kế hoạch xuất bản số: 26-2005/CXB/14-142/XBTP/NXBTP được Cục Xuất bản chấp nhận đăng ký tại số 1729 ngày 06/10/2005. In xong, nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2005.



Pháp luật về KINH TẾ TRANG TRẠI

MỌI NGƯỜI, MỌI NHÀ CẦN BIẾT

TỦ SÁCH PHÁP LUẬT DÀNH CHO THÔN, BẢN, TỔ PHỐ

- ▶ **LUẬT HỢP TÁC XÃ**
- ▶ **LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**
- ▶ **LUẬT ĐẤT ĐAI**
- ▶ **LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**
- ▶ **BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ**
- ▶ **PHÁP LỆNH HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ**
- ▶ **PHÁP LUẬT VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI**
- ▶ **PHÁP LUẬT VỀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO**
- ▶ **PHÁP LUẬT VỀ GIỚI**
- ▶ **PHÁP LUẬT VỀ GIÁO**
- ▶ **PHÁP LUẬT VỀ CÁC**
- ▶ **PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

pl về kinh tế trang trại-tủ sách



1

006031

400795

6.500 VNĐ

Và các lĩnh vực khác...

Giá: 6.500